TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TC** TỈNH TRÀ VINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 24/8/2024
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TC, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tiên Nghiệm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Sơn Ken.

Bà Ngô Thị Oanh Kiều.

- Thư ký phiên tòa: Bà Kim Thị Bô Na - Thư ký Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TC, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên toà: Bà Huỳnh Đoàn Tố Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TC xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 189/2024/TLST-HNGĐ, ngày 27 tháng 6 năm 2024, về Tranh chấp ly hôn và nuôi con; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 05 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Kim Thị Thanh T, sinh năm 1987; địa chỉ: Ấp X, xã N, huyện TC, tỉnh Trà Vinh (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Phước Minh D, sinh năm 1987; địa chỉ: Ấp X, xã N, huyện TC, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Kim Thị Thanh T có đơn xin xét xử vắng mặt, theo đơn khởi kiện ngày 15/02/2024, chị T trình bày:

Vào năm 2013, chị với anh Phước Minh D xác lập quan hệ vợ chồng và có đăng lý kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ngãi Xuyên, huyện TC, tỉnh Trà Vinh.

Vợ chồng chị sống hạnh phúc được một thời gian và có được 02 con chung tên Phước Kim Minh K, sinh ngày 17/7/2014 và Phước Kim Minh Kh, sinh ngày 04/9/2017. Đến năm 2016, vợ chồng chị phát sinh nhiều mâu thuẫn, do anh D cờ bạc, không quan tâm chăm sóc vợ con; chị đã tạo điều kiện cho anh D sửa đổi nhưng không có kết quả.

Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh D. Về con chung, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con chung nêu trên, không yêu cầu anh D cấp dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung, không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Phước Minh D vắng mặt tại phiên tòa và không nộp cho Tòa án văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị Kim Thị Thanh T.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn tham gia tố tụng trong vụ án đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70 và 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; riêng bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án là vi phạm tại Điều 70 và 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Vào năm 2013, chị T và anh D tự nguyện xác lập hôn nhân với nhau, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau ngày cưới, vợ chồng anh chị sống riêng tại gia đình bên vợ, vợ chồng sống hạnh phúc. Đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, chị T cho rằng anh D không tôn trọng chị, không quan tâm chăm sóc vợ con, anh D gây ra nợ để chị đứng ra trả, chị khuyên nhiều lần không được, từ đó không có tiếng nói chung. Đối với anh D mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án để tham gia các phiên hòa giải, điều này cho thấy anh không có ý định níu kéo hay hòa giải đoàn tụ với chị T. Như vậy cuộc sống hôn nhân của anh chị đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị T là có cơ sở chấp nhận. Đối với con chung tên Phước Kim Minh K, sinh ngày 17/7/2014 và Phước Kim Minh Kh, sinh ngày 04/9/2017 chị T yêu cầu được nuôi dưỡng (cháu K cũng có nguyện vọng được sống chung với mẹ), nên giao các cháu cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp. Chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, 39, 147, 227, 228 và 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 53, 56, 58 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về hôn nhân: Chị Kim Thị Thanh T được ly hôn với anh Phước Minh D.

Về con chung: Giao con chung tên Phước Kim Minh K, sinh ngày 17/7/2014 và Phước Kim Minh Kh, sinh ngày 04/9/2017 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng (cháu K có nguyện vọng sống chung với chị T), anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Khai không có, không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Kim Thị Thanh T có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Phước Minh D được Tòa án triệp tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Giữa chị T với anh D xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2013, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật; chị T có nộp bản chính giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân xã Ngãi Xuyên, huyện TC, tỉnh Trà Vinh cấp, nên hôn nhân giữa anh, chị là hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị sống hạnh phúc được một thời gian dài và có được 02 con chung tên Phước Kim Minh K, sinh ngày 17/7/2014 và Phước Kim Minh Kh, sinh ngày 04/9/2017. Từ khi Tòa thụ lý vụ án cho đến nay thời gian dài nhưng chị T và anh D vẫn không thể tự hàn gắn, đoàn tụ; anh D bỏ mặc, không quan tâm cuộc sống vợ chồng nên không đến Tòa án tham dự phiên họp, phiên tòa để ý kiến. Do đó, cuộc sống chung giữa chị T với anh D nếu tiếp tục cũng không hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài. Từ những phân tích trên, xét thấy việc chị T yêu cầu được ly hôn với anh D là có căn cứ chấp nhận.

Về con chung: Xét thấy chị T đang nuôi dưỡng 02 con chung tên Phước Kim Minh K, sinh ngày 17/7/2014 và Phước Kim Minh Kh, sinh ngày 04/9/2017 nên giao cho chị tiếp tục nuôi dưỡng (cháu K cũng có nguyện vọng sống chung với chị T). Tòa án có giải thích nhưng chị T không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị T khai không có; anh D vắng mặt tại phiên tòa, không có nêu ý kiến về tài sản chung và nợ chung nên không xem xét.

[3] Về án phí: Buộc chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 227, 228, 238, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Kim Thị Thanh T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Kim Thị Thanh T được ly hôn với anh Phước Minh D.

2. Về con chung: Giao cho chị Kim Thị Thanh T được tiếp tục nuôi 02 con chung tên Phước Kim Minh K, sinh ngày 17/7/2014 và Phước Kim Minh Kh, sinh ngày 04/9/2017 nên giao cho chị tiếp tục nuôi dưỡng (cháu K cũng có nguyện vọng sống chung với chị T); Tòa án có giải thích nhưng chị T không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét, giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị T khai không có; anh D vắng mặt tại phiên tòa, không có nêu ý kiến về tài sản chung và nợ chung nên không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí:

Buộc chị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (phần án phí đối với tranh chấp hôn nhân và gia đình); nhưng được trừ vào số T tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà chị T đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu T số 0003620, ngày 26/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TC; chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Anh D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án để xin xét xử phúc thẩm.

"*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành*

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện TC;
- Chi cục THADS huyện TC;
- UBND xã P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Tiên Nghiệm